

Bản án số: 338/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thùy Linh – kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2023/QĐHPT- HNGĐ ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1972; Địa chỉ: phòng G Chung cư P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Xuân H, sinh năm 1973; Địa chỉ: phòng G Chung cư P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2023, bản tự khai đề ngày 14/8/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T với ông Đỗ Xuân H xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại quận H và sau đó sống tại phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn với nhau, ông Đỗ Xuân H thường ghen tuông vô cớ, gây gỗ, đánh vợ nhiều lần, chửi bới xúc phạm la lối ở nơi cư trú. Bà T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng ông H không nghe lời khuyên can mà ngày càng chửi bới nhiều, gây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, việc xảy ra nhiều lần khiến bà không thể chịu đựng

được nữa. Vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, phần ai nấy sống. Vì thế mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Bà **T** xác định không còn tình cảm với ông **H** và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Đỗ Xuân H**.

Về quan hệ con chung: Bà **Nguyễn Thị Thùy T** và ông **Đỗ Xuân H** có với nhau 02 con chung tên **Đỗ Xuân D**, sinh ngày 11/02/2003 và **Đỗ Thị Xuân H1**, sinh ngày 24/9/1997 đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Nguyễn Thị Thùy T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn Đỗ Xuân H**: mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông **H** đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thùy T**.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Nguyễn Thị Thùy T** đối với ông **Đỗ Xuân H**.

Về con chung: Bà **Nguyễn Thị Thùy T** và ông **Đỗ Xuân H** có 02 con chung tên **Đỗ Xuân D**, sinh ngày 11/02/2003 và **Đỗ Thị Xuân H1**, sinh ngày 24/9/1997 đều đã trên 18 tuổi, bà trang không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Nguyễn Thị Thùy T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Thùy T** phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thùy T** khởi kiện bị đơn là ông **Đỗ Xuân H** để yêu cầu ly hôn, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn **quận C, thành phố Đà Nẵng**. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ theo quy định.

[1.2] Bị đơn Ông **Đỗ Xuân H** đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Đỗ Xuân H**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Thùy T** và ông **Đỗ Xuân H** xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng** vào năm 2003 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại **quận H** rồi sau đó sống tại **phường H**. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân theo bà **T** xác định là do ông **H** thường xuyên ghen tuông vô cớ, chửi bới xúc phạm bà **T**, không chăm lo cuộc sống chung của vợ chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung, phần ai nấy sống; không ai còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà **T** đã nhiều lần khuyên răn chồng để tạo điều kiện cho ông **H** thay đổi, cải thiện để cùng chăm lo gia đình nhưng ông **H** vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi; vợ chồng không thể hòa hợp, hàn gắn được, mâu thuẫn vẫn kéo dài. Nay bà **T** xác định không còn tình cảm, yêu thương ông **N** nữa, vợ chồng không còn tình nghĩa nên bà **Nguyễn Thị Thùy T** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông **Đỗ Xuân H**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để cho ông **Đỗ Xuân H** có ý kiến trình bày nhưng ông **H** đều vắng mặt, không tham gia tất cả các phiên hòa giải. Tại phiên tòa ngày 29/8/2023 cũng như tại phiên tòa hôm nay ông **Đỗ Xuân H** vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Điều đó thể hiện ông **H** không có thiện chí hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình và từ bỏ việc trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà **T**.

Qua xác minh tại tổ dân phố nơi vợ chồng ông **Đỗ Xuân H** sinh sống thuộc **tổ H, phường H, quận C** xác định ông **Đỗ Xuân H** và bà **Nguyễn Thị Thùy T** là vợ chồng, sống chung tại phòng 709 **Chung cư P thuộc tổ H phường H**, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, ông **H** thường la lối, chửi bới nơi cư trú, gây mâu thuẫn nơi xóm giềng, vợ chồng mâu thuẫn, không còn quan tâm thương yêu nhau.

Với những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà **Nguyễn Thị Thùy T** và ông **Đỗ Xuân H** đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không thể tự hòa giải để hàn gắn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm thương yêu nhau, ông **H** sống cuộc sống của riêng mình không lo cho gia đình, bỏ bê không quan tâm thương yêu vợ, chửi bới xúc phạm gây mâu thuẫn trầm trọng

không giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Đỗ Xuân H là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Đỗ Xuân H có với nhau 02 con chung tên Đỗ Xuân D, sinh ngày 11/02/2003 và Đỗ Thị Xuân H1, sinh ngày 24/9/1997 đều đã trên 18 tuổi, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Thùy T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu theo quy định của pháp luật. nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000738 ngày 20/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà Nguyễn Thị Thùy T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với ông Đỗ Xuân H về việc "Ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn ông Đỗ Xuân H. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 280, đăng ký ngày 19/12/2003 tại UBND phường H (cũ), quận H, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Xuân D, sinh ngày 11/02/2003 và Đỗ Thị Xuân H1, sinh ngày 24/9/1997 đều đã trên 18 tuổi, bà Nguyễn Thị Thùy T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000738 ngày 20/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà Nguyễn Thị Thùy T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 12/9/2023.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa An, quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa